

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HS-CTN-PT

Ngày 15-5-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triến.

Các Thẩm phán: Ông Võ Văn Ngẫu;

Bà Nguyễn Thị Thuý Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Song Tố Như, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lang - Kiểm sát viên.

Từ ngày 08 tháng 5 đến ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2020/TLPT-HS-CTN ngày 27 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Xuân V, do có kháng cáo của bị cáo V, bị đơn dân sự - chị Nguyễn Dương N, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án - bà Dương Thị Minh T đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Nguyễn Xuân V, sinh ngày 10-4-2000 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không có; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1973 và bà Dương Thị Minh T, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; bị bắt tạm giam ngày 20-7-2018 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Vũ Phi L, Luật sư của Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Đ thuộc Đoàn

luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

+ Ông Lưu Tấn Anh T, Luật sư của Văn phòng luật sư M thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn Trung T, sinh năm 1995 (đã chết).

Đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Trung T:

Bà Nguyễn Thị Bích L (là mẹ của bị hại T), sinh năm 1977; cư trú tại: Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị Bích L ủy quyền cho bà Nguyễn Thị G (là bà ngoại của bị hại T), sinh năm 1948; cư trú tại: Ấp N, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền ngày 04-9-2018); Tòa án không triệu tập.

Bị đơn dân sự: Chị Nguyễn Dương N (chị của bị cáo V), sinh năm 1994; cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Ông Huỳnh Công T1, sinh năm 1989; cư trú tại: Ấp C, xã A, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

3. Bà Dương Thị Minh T (là mẹ bị cáo V), sinh năm 1974; cư trú tại: Ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Ấp V, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Trường, là cha bị cáo V), sinh năm 1973; cư trú tại: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh; Tòa án không triệu tập.

5. Tổng Công ty Bảo hiểm P. Địa chỉ trụ sở: phường C, thành phố T, tỉnh B.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn N, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện hợp pháp cho Tổng Công ty: Bà Bùi Thị Hồng A (Văn bản ủy quyền số 21-11-2018); Tòa án không triệu tập.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972; cư trú tại: Ấp R, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Ông Thân Thanh T, sinh năm 1970; cư trú tại: Ấp R, xã Thuyện B, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 12-3-2018, Nguyễn Xuân V điều khiển xe ô-tô bán tải, hiệu Ford, loại Ranger, màu sơn cam-đỏ, biển số 70C-109.39 do chị Nguyễn Dương N đứng tên chủ sở hữu, lưu thông từ hướng xã Long Thuận về thị trấn B. Khi đến khu vực trụ điện 406, Tỉnh lộ 786 thuộc khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh, V điều khiển xe lấn trái va chạm vào xe ô-tô, biển số 70A-146.14 do ông Huỳnh Công T1 điều khiển lưu thông chiều ngược lại. Xe ô-tô do V điều khiển tiếp tục va chạm vào xe mô-tô, biển số 70C1-211.79 do anh Nguyễn Trung T điều khiển phía sau cùng chiều với xe ô-tô, biển số 70A-146.14. Hậu quả, anh Nguyễn Trung T bị thương nặng được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện R, Thành phố Hồ Chí Minh đến ngày 21-3-2018 tử vong. Riêng ông Huỳnh Công T1 và V không bị chấn thương.

Trong suốt quá trình điều tra, V không thừa nhận điều khiển xe ô-tô, biển số 70C-109.39 gây tai nạn vào ngày 12-3-2018. Căn cứ vào biên bản nhận dạng, biên bản đối chất, lời khai ông Huỳnh Công T1, người làm chứng Nguyễn Văn V, Thân Thanh T đã xác định được V là người điều khiển xe ô-tô bán tải, biển số 70C-109.39 gây tai nạn giao thông làm anh Nguyễn Trung T tử vong.

Qua lời khai người làm chứng và khám nghiệm hiện trường xác định lỗi do Nguyễn Xuân V là người không có giấy phép lái xe, điều khiển xe ô-tô lấn trái gây tai nạn giao thông. Hành vi của V đã vi phạm khoản 9, 11 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ.

Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 212/KL-KTHS ngày 23-3-2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận Nguyễn Trung T chết do đa chấn thương nặng.

Kết luận giám định số: 3020/C09B ngày 03-7-2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Dấu vết trượt xước bám chất màu đỏ, gãy vỡ, biến dạng các chi tiết phía trước bên phải xe ô-tô, biển số 70C-109.39 (cản trước, ốp cung chắn bùn, bánh trước) có chiều từ trước về sau, từ trái sang phải, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lấn vào tâm bánh phù hợp dấu vết trượt xước mất sơn màu đỏ, bám chất màu đen, gãy vỡ, biến dạng các chi tiết phía sau bên phải xe ô-tô, biển số 70A-146.14 (cửa sau, ốp đèn hậu, ốp kim loại thân xe, cản sau, bánh sau) có chiều từ trước về sau, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lấn vào tâm bánh.

Các dấu vết phía trước bên trái xe ô-tô, biển số 70C-109.39 (trượt xước, biến dạng, bám chất màu trắng mặt ngoài cản trước và ốp kim loại phía trước có chiều từ

trước về sau; trượt xước mặt ngoài bên trái bánh trước có chiều từ mặt lặn vào tâm bánh) phù hợp các dấu vết gãy vỡ, cong biến dạng các chi tiết phía trước xe mô-tô, biển số 70C1-211.79 (đầu xe, tay lái, ốp mặt nạ, cung chắn bùn, bánh trước, giảm xóc, yếm chắn gió có chiều từ trước về sau, dấu vết trên bánh xe có chiều từ mặt lặn vào tâm bánh).

Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô-tô, biển số 70A-146.14 với xe mô-tô, biển số 70C1-211.79.

Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và các tài liệu kèm theo xác định: Vết cày ký hiệu số 3 phù hợp do xe ô-tô, biển số 70C-109.39 tạo ra; vết cày ký hiệu số 4 phù hợp do xe mô-tô, biển số 70C1-211.79 tạo ra.

Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTTTHS ngày 14-8-2019 và văn bản đính chính số: 03/HĐĐGTTTHS ngày 13-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh, xác định: Giá trị thiệt hại của các xe: mô-tô, biển số 70C1-211.79 là 8.000.000 đồng; xe ô-tô, biển số 70C-109.39 là 88.300.000 đồng; xe ô-tô, biển số 70A-146.14 là 89.980.470 đồng; tổng giá trị thiệt hại 186.280.470 đồng.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân V phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91 và 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt Nguyễn Xuân V 02 (hai) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 20-7-2018.

Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 601 của Bộ luật Dân sự. Buộc chị Nguyễn Dương N bồi thường cho ông Huỳnh Công T1 số tiền 89.980.470 (tám mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi) đồng; ghi nhận chị N đã bồi thường xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về vật chứng, ghi nhận số tiền đã bồi thường cho gia đình bị hại Nguyễn Trung T; buộc bồi thường cho bà Nguyễn Thị L; lãi suất do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30 tháng 01 năm 2020, bị cáo Nguyễn Xuân V có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, lý do bị cáo cho rằng bị cáo không phải là người điều khiển xe biển số 70C-109.39; vụ tai nạn xảy ra là do lỗi hỗn hợp; xin được thay đổi biện pháp ngăn chặn, để bị cáo sớm trở về đoàn tụ với gia đình.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, chị Nguyễn Dương N có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu ông Huỳnh Công T1 trả lại cho chị số tiền 89.890.000 đồng, vì ông T1 và Điều tra viên (C1) đã ép chị phải chi trả tiền sửa xe không đúng theo quy định của pháp luật.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020, bà Dương Thị Minh T (là mẹ bị cáo V) có đơn kháng cáo, nội dung yêu cầu hủy bản án sơ thẩm và buộc ông Huỳnh Công T1 trả lại cho gia đình bà số tiền 89.890.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo, chị Nguyễn Dương N giữ nguyên nội dung kháng cáo; bà Dương Thị Minh T rút lại yêu cầu xin hủy án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Dương N và bà Dương Thị Minh T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Xuân V trình bày:

- Ông Lưu Tấn Anh T: Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên bản án sơ thẩm (lần 2) đã bỏ qua các vi phạm tổ tụng trong giai đoạn điều tra; việc đối chất (lần 2) không còn quan trọng vì thời gian xảy ra vụ án đã lâu (hơn một năm rưỡi) nên không khách quan; camera hành trình của xe Mazda biển số 70A-146.14 và dấu vân tay trên vô-lăng xe ô-tô biển số 70C-109.39 không thu được nên không có cơ sở kết luận; không tiến hành giám định đối với xe Mazda biển số 70A-146.14, vì xe đã trả cho ông Huỳnh Công T1; hai xe còn lại giám định trên biên bản; việc thực hiện định giá tài sản bị thiệt hại xe Mazda, biển số 70A-146.14 không liệt kê chi tiết; từ những cơ sở phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 29 của Bộ luật hình sự và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị cáo V, sửa bản án sơ thẩm, áp dụng thêm Điều 91, 101 của Bộ luật Hình sự cân nhắc xử bị cáo Nguyễn Xuân V khớp với thời gian giam.

- Ông Vũ Phi L: Căn cứ vào sơ đồ hiện trường cho thấy xe mô-tô bị đụng trước; Bản kết luận điều tra, Cáo trạng, bản án sơ thẩm (lần 2) đều đánh giá nội dung vụ án không logic; hậu quả của vụ tai nạn giao thông phải xác định từ đầu khi mới xảy ra; có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong giai đoạn điều tra nên việc xác định các dấu vết trên các phương tiện giao thông là không hợp lệ; không thu được camera hành trình của xe Mazda biển số 70A-146.14, có dấu hiệu của việc tiêu hủy chứng cứ nên chưa làm rõ toàn diện khách quan của vụ án; Điều tra viên lạm quyền khi trả xe cho ông Huỳnh Công T1; về trưng cầu giám định tài sản có vi phạm tố tụng về thành phần

giám định; Sơ đồ hiện trường ngày 12-3-2018 và dựng lại hiện trường thể hiện xe ô-tô Mazda biển số 70A-146.14 của ông Thành lấn trái, các mảnh vỡ của 02 xe ô-tô khi va chạm đều nằm về phía bên phải hướng di chuyển của xe ô-tô bán tải 70C-109.39, điều đó cho thấy là xe ô-tô do ông Thành điều khiển lấn trái sang hướng bên phải hướng di chuyển của xe ô-tô bán tải 70C-109.39 và có căn cứ xác định là lỗi hỗn hợp giữa xe bán tải và xe Mazda trong vụ án này; có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm đối với ông Thành. Do vậy, Hội đồng xét xử cần cân nhắc khi quyết định hình phạt đối với bị cáo V; nếu có đủ cơ sở xác định bị cáo V là người điều khiển xe ô-tô bán tải 70C-109.39 gây ra tai nạn, thì trong trường hợp này là lỗi hỗn hợp; bị cáo phạm tội lúc chưa đủ 18 tuổi, bị cáo đã bị tạm giam trên 21 tháng, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người dưới 18 tuổi, đề nghị xử bị cáo ở xử mức án bằng thời gian tạm giam.

Bị cáo Nguyễn Xuân V thống nhất lời bào chữa của luật sư T và luật sư L, không bào chữa bổ sung.

Bị cáo nói lời sau cùng: Mong được xem xét cho bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

1.1. Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, người bào chữa cho bị cáo cho rằng cơ quan điều tra có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và hồ sơ vụ án đến nay cũng không thu được camera hành trình của xe Mazda biển số 70A-146.14, không thu được dấu vân tay trên vô lăng xe bán tải biển số 70C-109.39, không tiến hành giám định về thiệt hại tài sản đối với xe biển số 70A-146.14 để làm cơ sở cho việc đánh giá toàn diện vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng, các nội dung này thuộc tình huống “sự việc đã xảy ra rồi, không thể khắc phục được”, nên Hội đồng xét xử phải căn cứ vào các chứng cứ khác để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

1.2. Như vậy, xét các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng và cơ quan tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm (sau khi thụ lý lại lần 2) đều hợp pháp; bởi lẽ cơ quan điều tra đã tiến hành khắc phục toàn bộ các thiếu sót trước đó, đúng như phần định của Bản án hình sự phúc thẩm số: 50/2019/HS-PT ngày 18-4-2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đã nêu ra.

[2] Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay:

2.1. Bà Dương Thị Minh T khai rằng: “Tôi chỉ nghe Ngọc nói cho biết là V (bạn trai N) lái xe gây tai nạn vào ngày 12-3-2018” (BL 221);

2.2. Chị Nguyễn Dương N khai rằng: “Người lái xe ô-tô 70C-109.39 gây tai nạn giao thông ngày 12-3-2018 tại khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Tây Ninh là anh V” (BL 225);

2.3. Bị cáo Nguyễn Xuân V khai rằng: Bị cáo không phải là người trực tiếp điều khiển xe ô-tô bán tải biển số 70C-109.39 gây ra tai nạn làm chết anh Nguyễn Trung T vào ngày 12-3-2018, tỉnh lộ 786, thuộc khu phố 4, thị trấn B, huyện B; vì bị cáo V cho rằng vào đêm ngày 11-3-2018, V cùng với tài xế của gia đình thuê ông Hà Bảo N cùng đi giao thịt bò ở Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó có nghỉ lại tại Thành phố Hồ Chí Minh chờ đến giờ nhận tiền tại quán ở Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh nên không thể điều khiển xe ô-tô bán tải biển số 70C-109.39 gây ra tai nạn.

[3] Xét lời khai của bà T chỉ là người nghe chị N kể lại chứ không phải là người trực tiếp trông thấy anh Vũ là người lái xe biển số 70C-109.39 gây ra tai nạn. Trong khi đó, mặc dù chị N khai người lái xe ô-tô 70C-109.39 gây tai nạn chính là anh V nhưng chỉ biết tên là Hoàng Văn V, sinh năm 1988, quê ở tỉnh Thừa Thiên – Huế nhưng cũng không biết địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra cũng không thể truy tìm anh V để làm rõ về tình tiết này; do đó, lời khai của bà T và chị N không có giá trị chứng minh để làm cơ sở cho việc kết luận ai mới là người trực tiếp điều khiển xe ô-tô bán tải, biển số 70C-109.39 gây ra tai nạn làm chết anh Nguyễn Trung T vào ngày 12-3-2018, tỉnh lộ 786, thuộc khu phố 4, thị trấn B, huyện B.

[4] Xét lời nại ra của bị cáo, thấy rằng: Bị cáo Nguyễn Xuân V không cung cấp được nơi nghỉ lại trong ngày 12-3-2018 tại khu vực Thành phố Hồ Chí Minh để chờ nhận tiền thịt bò. Kết quả làm việc và đối chất giữa bị cáo với ông Nhiên cũng không có cơ sở xác định là ông Nhiên có đi cùng V trong đêm ngày 11-3-2018 và ngày 12-3-2018 hay không (bút lục 622, 631, 632). Xét chứng cứ mà Luật sư Lưu Tấn Anh T cung cấp (ở cấp sơ thẩm) là phiếu chi ngày 12-3-2018 (BL 404) cũng không đủ cơ sở để tin cậy; bởi lẽ, phiếu chi này không ghi năm sinh, địa chỉ, người nhận tiền là bị cáo Nguyễn Xuân V; người viết phiếu chi tại quán thuộc địa bàn Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh cũng không xác định được phiếu thanh toán ngày 12-3-2018 đã giao cho ai, nam hay nữ và người viết phiếu chi này cũng không thể nhận dạng được (BL 623, 624, 636, 637). Từ đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận lời nại ra của bị cáo V cũng như chứng cứ của Luật sư Lưu Tấn Anh T đã xuất trình.

[5] Về cơ sở chịu trách nhiệm hình sự:

5.1. Mặc dù tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như phúc thẩm hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân V không nhận tội nhưng căn cứ vào các chứng cứ:

+ Lời khai của ông Huỳnh Công T1 (là tài xế lái xe ô-tô, biển số 70A-146.14): Sau khi tai nạn xảy ra ông có trực tiếp đến gặp bị cáo V, khi bị cáo V còn ngồi trong xe ô-tô, biển số 70C-109.39 (BL 27, 29, 633);

+ Lời khai ông Nguyễn Văn V và ông Thân Thanh T: Hai ông có trực tiếp đến can ngăn ông Huỳnh Công T1 không cho xô xát với bị cáo V sau khi tai nạn xảy ra đồng thời ông Viên và ông Thiện chính là người trực tiếp dẫn bị cáo V ra khỏi xe ô-tô 70C-109.39 (BL 77-84, 627-629);

+ Kết quả nhận dạng tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B: Cả ông Thành, ông Viên và ông Thiện đều xác định chính bị cáo Nguyễn Xuân V là người trực tiếp điều khiển xe ô-tô, biển số 70C-109.39 (BL 175-179);

+ Căn cứ vào biên bản hiện trường, kết quả thực nghiệm điều tra và Kết luận giám định số: 3020/C09B ngày 03-7-2019 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: ... “Trên cơ sở cơ chế hình thành dấu vết và các tài liệu kèm theo xác định: Vết cày ký hiệu số 3 phù hợp do xe ô-tô, biển số 70C-109.39 tạo ra; vết cày ký hiệu số 4 phù hợp do xe mô-tô biển số 70C1-211.79 tạo ra. Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe ô-tô, biển số 70A-146.14 với xe mô-tô, biển số 70C1-211.79 (BL 594).

5.2. Từ những chứng cứ nêu trên, xét lời trình bày của ông Huỳnh Công T1 phù hợp với lời khai của hai người làm chứng (ông Viên, ông Thiện) và phù hợp với biên bản nhận dạng của ông V, ông T và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Nguyễn Xuân V là người không có giấy phép lái xe, trực tiếp điều khiển xe ô-tô, biển số 70C-109.39 lấn trái va chạm vào đuôi phải xe ô-tô, biển số 70A-146.14 và xe mô-tô 70C1-211.79 làm cho ông Nguyễn Trung T tử vong do đa chấn thương; ông Thành chết là do lỗi của bị cáo V gây ra. Thiệt hại của các xe theo Kết luận định giá tài sản số: 43/KL-HĐĐGTTTHS ngày 14-8-2019 và văn bản đánh chính số: 03/HĐĐGTTTHS ngày 13-3-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B, tỉnh Tây Ninh, xác định: Giá trị thiệt hại của các xe: mô-tô, biển số 70C1-211.79 là 8.000.000 đồng; xe ô-tô, biển số 70C-109.39 là 88.300.000 đồng; xe ô-tô, biển số 70A-146.14 là 89.980.470 đồng; tổng giá trị thiệt hại 186.280.470 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Xuân V về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, không oan.

[6] Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; bị cáo điều khiển xe ô-tô nhưng không có giấy phép lái xe theo quy

định tại khoản 9 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ và đã vượt ẩu trong khi chưa đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ: ... “2. *Xe xin vượt chỉ được vượt khi không có chướng ngại vật phía trước, không có xe chạy ngược chiều trong đoạn đường định vượt, xe chạy trước không có tín hiệu vượt xe khác và đã tránh về bên phải*”; hậu quả để lại làm cho anh Nguyễn Trung T tử vong, gây đau thương cho gia đình nạn nhân; lỗi hoàn toàn thuộc về phía bị cáo. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự công cộng và an toàn công cộng nên cần nghiêm trị để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[7] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã có xem xét: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; khi phạm tội bị cáo là người dưới 18 tuổi; mẹ ruột bị cáo là bà T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại xong cho gia đình bị hại Nguyễn Trung T và đại diện bị hại có đơn bãi nại, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và có áp dụng thêm các Điều 54, 91 và 101 của Bộ luật Hình sự để xử bị cáo 02 năm tù là tương xứng với mức độ phạm tội của bị cáo đã gây ra, không nặng nên cần giữ nguyên; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo.

[8] Xét yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Dương N: Chị N là chủ sở hữu xe ô-tô, biển số 70C-109.39 (là nguồn nguy hiểm cao độ), bị cáo V đã sử dụng xe ô-tô, biển số 70C-109.39 gây thiệt hại tài sản cho ông Thành. Chị N cho rằng hiện trường vụ án thể hiện xe bán tải của chị không có lỗi nên không đồng ý bồi thường cho ông Huỳnh Công T1 nên yêu cầu ông Thành trả lại số tiền 89.980.470 đồng là không có căn cứ chấp nhận; bởi lẽ, tại Điều 601 của Bộ luật Dân sự có quy định: “... 2. *Chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra; nếu chủ sở hữu đã giao cho người khác chiếm hữu, sử dụng thì người này phải bồi thường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*.”

3. *Chủ sở hữu, người chiếm hữu, sử dụng nguồn nguy hiểm cao độ phải bồi thường thiệt hại cả khi không có lỗi, trừ trường hợp sau đây:*

- a) *Thiệt hại xảy ra hoàn toàn do lỗi cố ý của người bị thiệt hại;*
- b) *Thiệt hại xảy ra trong trường hợp bất khả kháng hoặc tình thế cấp thiết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. ...”.*

Hơn nữa, mặc dù Công ty Cổ phần ô-tô H, Chi nhánh Tây Ninh không phải là cơ quan giám định trong tố tụng hình sự nhưng đây là tình huống thực tế khách quan đã xảy ra (nay không thể tiến hành giám định lại được, vì sự việc đã rồi), cụ thể: sau khi được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trả lại xe ô-tô, ông Huỳnh Công

T1 đã đem xe đến Công ty Cổ phần ô-tô H, Chi nhánh Tây Ninh để sửa chữa, có hóa đơn chứng từ thể hiện số tiền 89.980.470 đồng (BL 399-402) là hợp pháp và ông Huỳnh Công T1 xác nhận chị N đã trả tiền sửa chữa xe ô-tô, biển số 70A-146.14 là 89.980.470 đồng của ông xong, không yêu cầu bồi thường gì thêm; từ đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị N bồi thường số tiền 89.980.470 đồng và ghi nhận chị N đã bồi thường xong là đúng. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị N.

[9] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Minh T: Trong vụ án này, bà T tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên bà không có quyền kháng cáo về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo V, hơn nữa con bà là chị N mới là bị đơn dân sự, đồng thời là người có trách nhiệm bồi thường cho ông Huỳnh Công T1, cho nên các nội dung yêu cầu kháng cáo của bà T không được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận. Ghi nhận bà T rút lại yêu cầu xin huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm.

[10] Tóm lại: Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân V; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Dương N; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Dương Thị Minh T; không chấp nhận đề nghị của người bào chữa; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[11] Về án phí: Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

+ Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo V phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự phúc thẩm;

+ Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị N và bà T mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[12] Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên trả lại cho chị N và bà T số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm (kháng cáo lần 1) là thiếu sót, cần bổ sung ở Tòa án cấp phúc thẩm.

[13] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Xuân V; không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Dương N và bà Dương Thị Minh T.

3. Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số: 02/2020/HS-ST ngày 22 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh (có bổ sung phần trả lại tiền tạm ứng án phí).

4. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 260; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 91 và 101; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

5. Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân V 02 (hai) năm tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 20-7-2018.

6. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ vào Điều 601 của Bộ luật Dân sự. Buộc chị Nguyễn Dương N bồi thường cho ông Huỳnh Công T1 số tiền 89.980.470 (tám mươi chín triệu, chín trăm tám mươi nghìn, bốn trăm bảy mươi) đồng; ghi nhận chị N đã bồi thường xong.

7. Về án phí: Căn cứ vào điểm b, e khoản 2 Điều 23; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo V phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự phúc thẩm;

+ Chị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014117 ngày 14-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

+ Bà T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0014090 ngày 05-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

8. Trả cho bà T 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0021793 ngày 03-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;

Trả cho chị N 2.375.000 (hai triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0021794 ngày 03-01-2019

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1 (TANDTC);
- VKSND. TTN;
- TAND. huyện B;
- Chi cục THADS. huyện B;
- Công an huyện B;
- Phòng PV 06 CATTN;
- Phòng lý lịch STP. TTN;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án HSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Văn Triển

